

Số: 02/2024/QĐST-DS

Quỳnh Lưu, ngày 15 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 74/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Anh **Mai Văn T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: **Thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.**

- Bị đơn: Anh **Lê Đình P**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: **Thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.**

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/. Anh **Đậu Đức T1**, sinh năm 1976;

2/. Chị **Lê Thị T2**, sinh năm 1981

Cùng nơi cư trú: **Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.**

Người đại diện theo ủy quyền của anh **T1**, chị **T2**: Anh **Mai Văn T**, sinh năm 1982 (Theo Hợp đồng ủy quyền số 01, ngày 03 tháng 1 năm 2024);

Địa chỉ: **Thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.**

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Anh **Lê Đình P** có nghĩa vụ trả lại cho anh **Mai Văn T** số tiền đặt cọc đất 300.000.000 đồng, theo Hợp đồng đặt cọc ngày 07/03/2022; tiền phạt cọc 60.000.000 đồng và tiền nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 20.000.000 đồng, theo giấy nhận tiền ngày 30/03/2022; tổng cộng là 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Anh **Lê Đình P** phải nộp 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh **Mai Văn T** số tiền tạm ứng án phí 16.400.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2022/ 0000487 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ và VPTA.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Đạt Nghiệm**

